



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số: 26. /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6 được lập ngày 20 tháng 01 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6 tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Đỗ Thị Ngọc Dung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0659/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		410.160.926.499	318.143.726.597
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	38.998.948.504	22.751.897.425
111	1. Tiền		38.998.948.504	22.751.897.425
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.866.022.282	6.783.249.806
131	1. Phải thu của khách hàng		10.889.229.106	339.820.806
132	2. Trả trước cho người bán		436.969.000	6.443.429.000
135	5. Các khoản phải thu khác	4	539.824.176	-
140	IV. Hàng tồn kho		348.208.663.951	277.508.162.814
141	1. Hàng tồn kho	5	348.208.663.951	277.508.162.814
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.087.291.762	11.100.416.552
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.488.782.910	10.770.834.652
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	598.508.852	329.581.900
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.872.035.157	163.803.234
220	II. Tài sản cố định		1.596.063.234	20.213.654
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	1.596.063.234	20.213.654
222	- Nguyên giá		1.828.892.061	192.346.606
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(232.828.827)	(172.132.952)
240	III. Bất động sản đầu tư	8	4.275.971.923	-
241	- Nguyên giá		4.363.471.923	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(87.500.000)	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	10.000.000.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		10.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	143.589.580
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	143.589.580
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		426.032.961.656	318.307.529.831

1353 - CT
CÔNG TY
PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ
HÀNG TRẠNG
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TRA

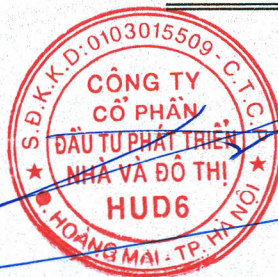
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		344.847.363.722	256.461.238.333
310	I. Nợ ngắn hạn		335.776.286.083	242.948.326.691
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	141.098.963.000	38.117.306.100
312	2. Phải trả người bán		157.607.444.922	191.288.875.953
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	8.513.152.681	4.561.741.487
315	5. Phải trả người lao động		388.490.340	584.143.090
316	6. Chi phí phải trả	12	21.524.147.583	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	4.709.730.363	8.029.991.905
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.934.357.194	366.268.156
330	II. Nợ dài hạn		9.071.077.639	13.512.911.642
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	8.509.000.000
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		9.071.077.639	5.003.911.642
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		81.185.597.934	61.846.291.498
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	81.185.597.934	61.846.291.498
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.588.650.591	406.417.033
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.710.026.405	224.984.078
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.926.125.464	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.960.795.474	11.214.890.387
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		426.032.961.656	318.307.529.831

Nguyễn Thị Tuyên

Nguyễn Thị Tuyên
 Kế toán trưởng



Trương Thanh Huy
 Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	135.307.514.440	90.591.339.120
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		135.307.514.440	90.591.339.120
11	4. Giá vốn hàng bán	16	95.404.175.070	56.182.012.647
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.903.339.370	34.409.326.473
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	535.226.628	1.822.070.401
24	8. Chi phí bán hàng		-	70.132.558
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.407.962.033	10.474.175.665
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		32.030.603.965	25.687.088.651
31	11. Thu nhập khác		3.790.000	27.930.000
40	13. Lợi nhuận khác		3.790.000	27.930.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.034.393.965	25.715.018.651
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	8.008.598.491	4.500.128.264
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>24.025.795.474</u>	<u>21.214.890.387</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	4.805	4.246

Phạm 2



Nguyễn Thị Tuyên
 Kế toán trưởng

Trương Thanh Huy
 Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011